

Bản án số : 247/2023/DS-PT

Ngày: 25/5/2023

V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất và
yêu cầu hủy GCNQSDĐ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Sỹ Hưng;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Mạnh Tiến;
Bà Phan Thị Vân Hương.

Thư ký Tòa án: Ông Phạm Thành Trung, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Hoàng, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 25 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 354/2022/TLPT-DS ngày 27 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy GCNQSDĐ”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2022/DS-ST ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5214/2023/QĐPT-DS ngày 11 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Ông Lý Văn H (đã chết).

Người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn:

- Ông Lý Văn Đ, sinh năm 1982; Có mặt.
- Bà Lý Thị N, sinh năm 1977; Vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt.
- Ông Lý Văn D, sinh năm 1980; Có mặt.
- Bà Lý Thị N1, sinh năm 1986; Có mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn P, xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của những người thừa kế: Ông Lý Văn K, sinh năm 1967; địa chỉ: Thôn P, xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang; Có mặt.

Người bảo vệ quyền lợi cho những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn: Luật sư Ngô Trung K1 – Văn phòng luật sư G, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Hà Giang; Địa chỉ: 283 N1, Phường X, Hà Giang; Có mặt.

* **Bị đơn:** Ông Trương Văn T, sinh năm 1969; địa chỉ: Thôn M, xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang; Vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Lý Tiến D1, sinh năm 1949; địa chỉ: Thôn H1, xã A1, huyện B, tỉnh Hà Giang; Vắng mặt.

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Hà Giang; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và trình bày của nguyên đơn thể hiện: Từ năm 1986, đến năm 1992, khi Nhà nước có chủ trương giao đất giao rừng cho các hộ ở tại thôn P, xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang, gia đình ông Lý Văn H được Ủy ban nhân dân xã V cấp sổ lâm bạ số 172 ngày 05/11/1992 mang tên ông Lý Văn H, có diện tích 3ha. Nguồn gốc diện tích đất này là do gia đình ông khai hoang từ trước đó, nên sau khi được cấp sổ lâm bạ, gia đình ông tiếp tục trồng cây bồ đề và cây sắn. Đến năm 1997, ông H có cho cô em là bà Lý Thị T2 và chồng là ông Trương Văn T mượn tạm thửa đất có diện tích 0,5ha để vợ chồng ông T sinh sống làm 01 nhà sàn trên đất. Thời điểm này gia đình ông H đã trồng cây chè trên đất. Cuối năm 1999, bà T2 chết, ông T chuyển đi nơi khác nhưng vẫn về thửa đất đó để chăm sóc và khai thác chè; ông H đã nhiều lần đến nói chuyện với ông T, yêu cầu ông T trả lại đất, nhưng ông T không trả. Tháng 7 năm 2018, khi ông T đến khu đất mượn của gia đình ông để trồng keo thì ông mới biết ông T đã được cấp GCNQSD đất số Q 842514 do UBND huyện B cấp ngày 23/6/2000, nên ông H làm đơn đến UBND huyện giải quyết, nhưng không thành, nên ông khởi kiện yêu cầu: ông Trương Văn T trả lại toàn bộ diện tích đất 5.229m², thửa đất số 61 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 842514 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp cho ông Trương Văn T ngày 23/6/2000; hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Trương Văn T.

Ngày 16/12/2021, ông Lý Văn H chết, các con ông H là ông Lý Văn Đ, ông Lý Văn D, bà Lý Thị N, bà Lý Thị N1 là người thừa kế tham gia tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của những người thừa kế là ông Lý Văn K tiếp tục có yêu cầu khởi kiện đòi lại diện tích đất: 0,5 ha đối với ông Trương Văn T và hủy GCNQSDĐ đã cấp cho ông T của UBND huyện B.

- Bị đơn ông Trương Văn T và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Lý Tiến D1 trình bày: Năm 1989, ông Trương Văn T và bà Lý Thị T2 xây dựng gia đình (không đăng ký kết hôn); năm 1990, bố mẹ vợ là ông Lý Văn Đ2 có cho vợ, chồng ông T, bà T2 thửa đất để ở riêng, có làm 01 nhà sàn trên đất.

Khi bố, mẹ vợ cho đất không lập giấy tờ, chỉ nói miệng, nhưng có chỉ vị trí ranh giới khu đất đòi (thời điểm đó không đo đạc nên không rõ diện tích) và đến năm 1992, ông T được cấp sổ lâm bạ có diện tích 01 ha. Sau khi nhận đất, ông T chỉ trồng sắn, đến năm 1995 trồng cây cam (trồng 1.200 cây); năm 1996 ông T, bà T2 trồng chè với diện tích khoảng 2.000m²; năm 1998 trồng keo hết trên diện tích đất 01 ha. Quá trình sử dụng đất ông T đã kê khai đăng ký xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo chủ trương của địa phương và đã được Ủy ban nhân dân huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 842514 ngày 23/6/2000. Đến năm 2017 – 2018, ông T khai thác cây keo được 01 lần, sau đó ông T tiếp tục trồng cây keo lần 2, thì gia đình ông H đến chặt phá cây keo, cây chè trên đất. Việc chặt phá cây trên đất đang được Công an huyện B thụ lý giải quyết. Vì vậy, ông T đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của gia đình ông H về việc yêu cầu trả lại đất và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện B đã cấp cho hộ gia đình ông T.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là UBND huyện B trình bày: Đòi với đơn khởi kiện phía nguyên đơn về yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 842514 UBND huyện B cấp ngày 23/6/2000 cho hộ ông Trương Văn T là không có cơ sở, trình tự thủ tục Ủy ban nhân dân huyện B thực hiện theo mục I phần 2 thông tư 346/1998/TT-TCĐC ngày 16/3/1998 của Tổng cục địa chính. Vì vậy Ủy ban nhân dân huyện B không đồng ý với nội dung đơn khởi kiện của phía Nguyên đơn, đề nghị Tòa án giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật.

Ngày 14/7/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ (có sơ đồ đo đạc của văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện B cung cấp) thể hiện: Ông Lý Văn Đ xác định ranh giới từ điểm Đ1 đến Đ31 khép về Đ1 tổng diện tích đất là: 5.187,1m²; ông Trương Văn T xác định ranh giới từ điểm T1 đến T61 khép về T1 tổng diện tích đất là: 12.080,3m². Vị trí thửa đất: phía Đông giáp đất ông Trương Văn F; phía Tây giáp đường lên đồi; phía Nam giáp đất sổ lâm bạ ông T; phía Bắc giáp suối (Bút lục từ 230 đến 233).

Kết quả định giá tài sản trên diện tích đất tranh chấp được ghi trong GCNQSDD của hộ ông Trương Văn T. Hội đồng định giá giá trị quyền sử dụng đất, tài sản trên đất có tổng trị giá là 305.102.000 đồng (*Ba trăm linh năm triệu một trăm linh hai nghìn đồng*). (Bút lục từ 235 đến 239)

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2022/DS-ST ngày 15 tháng 9 năm 2022, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 2; khoản 2 Điều 24 của Luật Đất đai năm 1993; khoản 7 Điều 176 của Bộ luật Dân sự năm 1995; khoản 9 Điều 26; Điều 34; điểm a khoản 1 Điều 37; khoản 1 Điều 74; Điều 147; Điều 157; Điều 165; Điều

271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 4 Điều 32 Luật tố tụng hành chính; khoản 1 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của những người thừa kế gồm: Lý Văn Đ, ông Lý Văn D, bà Lý Thị N, bà Lý Thị N1 về việc buộc ông Trương Văn T phải trả lại diện tích đất: 5.229m² địa chỉ thửa đất tại: thôn P, xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang.

2. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của những người thừa kế gồm: Lý Văn Đ, ông Lý Văn D, bà Lý Thị N, bà Lý Thị N1 về việc “Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 842514, tờ bản đồ số 43-19, thửa đất số 61, diện tích 5.229m² cấp ngày 23/6/2000 cho hộ ông Trương Văn T; theo Quyết định số 1035/QĐ-UB ngày 18/9/1999 của UBND huyện B cấp cho hộ ông Trương Văn T”.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 27/9/2022, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn là ông Lý Văn Đ, bà Lý Thị N, ông Lý Văn D, bà Lý Thị N1 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm người kháng cáo vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo và quan điểm như đã trình bày; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận nội dung kháng cáo, sửa án sơ thẩm, và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa sau khi đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các bên tại phiên tòa phúc thẩm đã khẳng định Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và quyết định cụ thể như đã thể hiện trong bản án sơ thẩm là có căn cứ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; trên cơ sở những ý kiến trình bày của các bên đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 27/9/2022, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn là ông Lý Văn Đ, bà Lý Thị N, ông Lý Văn D, bà Lý Thị N1 có

đơn kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2022/DS-ST ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang là trong thời hạn luật định, nên được xem xét theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, một số đương sự vắng mặt nhưng đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai và có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Xét kháng cáo của ông Lý Văn Đ, bà Lý Thị N, ông Lý Văn D, bà Lý Thị N1:

[2.1] Đối với nội dung khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu bị đơn trả lại diện tích đất 5.229m²:

Theo trình bày của nguyên đơn và những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng thì nguồn gốc đất diện tích đất đang tranh chấp là do ông Lý Văn H và bà Bàn Thị Phiếu (đều đã chết) khai phá. Đến năm 1992, khi có chủ trương giao đất giao rừng của Nhà nước cho các hộ dân tại thôn P, xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang thì gia đình đã được cấp sổ lâm bạ số 172 ngày 5/11/1992 có diện tích là 3ha (gồm có thửa 0,5 ha và thửa 2,5 ha). Năm 1997, ông H có cho em gái là bà Lý Thị T2 (chồng là Trương Văn T) mượn tạm thửa đất có diện tích 0,5ha để vợ chồng bà T2 xây dựng nhà cửa và trồng cây hoa màu để sinh sống. Tuy nhiên, phía bị đơn không thừa nhận; quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn cũng như những người thừa kế không chứng minh được việc cho gia đình ông T mượn đất như đã trình bày. Ngoài ra, theo trình bày của nguyên đơn thì sau khi bà T2 chết (năm 1999), ông H có gặp ông T để đòi lại đất, nhưng tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện ông T là người trực tiếp sử dụng diện tích đất từ trước đến nay; quá trình sử dụng đất, gia đình ông T làm nhà ở, trồng cây, khai thác cây trồng trên đất, nhưng không phát sinh tranh chấp với ai, kể cả khi ông T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũng không có ai khiếu nại.

Quá trình giải quyết vụ án, ngoài sổ lâm bạ để chứng minh nguồn gốc đất thì nguyên đơn không cung cấp được giấy tờ khác thuộc các loại giấy tờ quy định tại Điều 100 Luật đất đai 2013 và Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, đồng thời theo trình bày của nguyên đơn thì gia đình nguyên đơn đã không sử dụng diện tích đất này từ năm 1997 và trên thực tế thì gia đình ông T mới là người trực tiếp sử dụng ổn định, liên tục diện tích đất này vào một mục đích nhất định. Do đó, việc gia đình ông H không sử dụng đất, không kê khai đăng ký quyền sử dụng đất và căn cứ sổ lâm bạ số 172 do UBND xã V, huyện B cấp ngày 5/11/1992 để đòi lại quyền sử dụng đất mà gia đình ông T đang sử dụng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa số thửa đất số 61, tờ bản đồ số 43-19, diện tích 5.229m², là không có cơ sở để xem xét.

[2.2] Đối với yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

Như đã nhận định tại mục [2.1] thì nguyên đơn không chứng minh được việc cho ông T mượn đất tại thửa đất mà ông T đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; sau khi được UBND xã V cấp sổ lâm bạ, gia đình ông H không sử dụng đất đã được giao. Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: gia đình ông T là người trực tiếp sử dụng đất liên tục, ổn định; ngày 05/7/1999, ông T có đơn xin cấp quyền sử dụng đất; ngày 10/7/1999, ông T có đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất và được Hội đồng xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xã V, huyện B đồng ý xét cấp.

Quá trình UBND huyện B xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là công khai đúng trình tự, thủ tục theo quy định, nhưng gia đình ông H không kê khai đăng ký xin cấp quyền sử dụng đất đối với các thửa đất của ông T đang sử dụng mà kê khai đăng ký các thửa đất khác và cũng đã được xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cùng ngày 23/6/2000 đối với diện tích 28.805m² (BL 161), trong đó không có thửa đất ông T đang sử dụng, nhưng không khiếu nại việc xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với ông T. Do đó, việc UBND huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 842514, tờ bản đồ số 43-19, thửa đất số 61, diện tích 5229m² ngày 23/6/2000 cho hộ ông Trương Văn T là phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 2; khoản 2 Điều 24 Luật Đất đai năm 1993 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn là có căn cứ.

[2.3] Từ những nhận định trên, xét thấy kháng cáo của những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn là không có cơ sở để chấp nhận; quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

[3] Đối với việc xác định tư cách tố tụng: Do thửa số 61 tờ bản đồ 43-19 được UBND huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Trương Văn T, nên việc tranh chấp quyền sử dụng đất tại thửa đất này là có ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp các thành viên trong hộ gia đình ông T. Tòa án cấp sơ thẩm không đưa những này tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là thiết sót. Tuy nhiên, vợ ông T là bà Lý Thị T2 đã chết; các con của ông T đều đã có ý kiến bằng văn bản, có xác nhận của chính quyền địa phương với nội dung nhất trí với ý kiến của ông T trong quá trình giải quyết vụ án, không có ý kiến khiếu nại. Đồng thời, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm là không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của họ, nên không cần thiết phải xem xét lại nội dung này.

[4] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 308; Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Lý Văn Đ, bà Lý Thị N, ông Lý Văn D, bà Lý Thị N1, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2022/DS-ST ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang.

2. Về án phí: Ông Lý Văn Đ, bà Lý Thị N, ông Lý Văn D, bà Lý Thị N1 phải nộp án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng, được đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số 0000100 ngày 07 tháng 10 năm 2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- Cục THADS tỉnh Hà Giang.
- Lưu hồ sơ vụ án, TANDCC.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Sỹ Hưng

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Mạnh Tiến Phan Thị Vân Hương

Hồ Sỹ Hưng